TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DIÊN KHÁNH** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28-11-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIÊN KHÁNH, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Tín
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hùng Cường
Bà Thái Thị Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Sương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 285/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 65/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Lê Thị H**, sinh năm: 198x
Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện C, Khánh Hòa
Địa chỉ liên lạc: Thôn K, xã S, huyện C, Khánh Hòa; có mặt.
- *Bị đơn*: Ông **Trần Anh T**, sinh năm: 198x
Địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện D, Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Bà và ông Trần Anh T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S năm 2009. Thời gian đầu vợ chồng sống bình thường nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống; ông T ham mê cờ bạc; không quan tâm chăm sóc vợ con. Bà đã nhiều lần khuyên can nhưng ông T không thay đổi; vợ chồng hay xảy ra kình cãi, có lần ông T đánh bà. Khoảng cuối năm 2017,

ông T đã chuyển về nhà cha mẹ của ông T ở và từ đó đến nay vợ chồng bà không còn chung sống với nhau; mỗi người tự lo cuộc sống riêng của mình. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông T; không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T.

Bà và ông T có 01 con chung là Trần Như Y, sinh ngày 22/9/201x, hiện đang sống với bà. Khi ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ tháng 12/2018 cho đến khi Trần Như Y đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Anh T không đến Tòa án làm việc, không có lời khai.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Sau khi xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của đương sự tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị H đối với ông Trần Anh T. Giao con chung Trần Như Y cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông T phải cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ tháng 12/2018 cho đến khi cháu Y đủ 18 tuổi. Bà H xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Trần Anh T tham gia phiên tòa nhưng ông T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành việc xét xử.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

[2.1]. Ngày 16/6/2009, bà Lê Thị H và ông Trần Anh T đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 38/2009; đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.2]. Bà H xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và không thể hàn gắn; hiện tại, tình cảm vợ chồng không còn nên không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân. Thực tế, vợ chồng bà H và ông T đã không còn chung sống với nhau từ cuối năm 2017 đến nay; mỗi người tự lo cuộc sống riêng của mình. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như tham gia phiên hòa giải để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng, nhưng ông T không đến, không có lời khai và tại phiên tòa ông T cũng vắng mặt không lý do. Điều này thể hiện việc ông T có thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến quan hệ vợ chồng, không muốn hàn gắn đoàn tụ. Như vậy, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị H và ông Trần Anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn.

[3]. Về con chung: Theo Giấy khai sinh của Trần Như Y thể hiện Trần Như Y sinh ngày 22/9/201x là con của ông Trần Anh T và bà Lê Thị H đúng như bà H trình bày. Việc bà H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn phù hợp với nguyện vọng của cháu Y, đồng thời, hiện bà H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Y; do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu Y cần giao cháu Y cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc bà H yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/tháng, kể từ tháng 12/2018 cho đến khi cháu Y đủ 18 tuổi là phù hợp nên chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Do bị đơn chưa có lời khai về vấn đề này nên nếu sau này đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[5]. Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Trần Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Lê Thị H được ly hôn ông Trần Anh T.

2. Về con chung:

2.1. Giao Trần Như Y, sinh ngày 22/9/201x cho bà Lê Thị H trực tiếp chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Trần Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con (Trần Như Y) định kỳ hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng); thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 12/2018 cho đến khi Trần Như Y đủ 18 tuổi. Ông Trần Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung là không ai được quyền cản trở.

2.2. Quá trình nuôi con chung, bà Lê Thị H, ông Trần Anh T có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; thay đổi cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Trường hợp sau này, đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về án phí:

4.1. Bà Lê Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà Lê Thị H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0018908 ngày 18/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diên Khánh. Bà Lê Thị H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4.2. Ông Trần Anh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

5. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Bà Lê Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Diên Khánh;
- Chi cục THADS huyện Diên Khánh;
- UBND xã S, huyện Diên Khánh (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

(Đã ký)

Nguyễn Trung Tín